TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thùy T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1989; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn B, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2025, Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2025, bản khai ngày 25 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn chị Dương Thùy T trình bày: Chị với anh Hồ Văn B cưới nhau vào năm 2014, trước khi tiến hôn nhân thì chị và anh B có tìm hiểu, được khoảng 01 năm thì

cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới thì cả hai đi làm thuê. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được khoảng 01 năm đến khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, về chuyện tiền bạc. Đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, anh B nhiều lần xúc phạm, đe doạ, hành hung chị, từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn B. Về nuôi con chung: Có 01 con là Hồ Đỗ Tấn P, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2015, nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Hồ Văn B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh Hồ Văn B không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Hồ Văn B đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Thùy T được ly hôn với anh Hồ Văn B; về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Đỗ Tấn P, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2015 cho chị Dương Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Hồ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Dương Thùy T không có yêu cầu; về tài sản chung: Chị Dương Thùy T trình bày tự thỏa thuận, còn anh Hồ Văn B không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về nợ chung: Chị Dương Thùy T trình bày không có, còn anh Hồ Văn B không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Dương Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thùy T và anh Hồ Văn B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Dương

Thùy T đối với anh Hồ Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Dương Thùy T thì cuộc sống của chị và anh B không còn hạnh phúc từ đầu năm 2016 vì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, về chuyện tiền bạc, đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, anh B nhiều lần xúc phạm, đe doạ, hành hung chị, từ đó tình cảm vợ chồng không còn và cả hai đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh B hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Dương Thùy T ly hôn với anh Hồ Văn B.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Dương Thùy T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hồ Đỗ Tấn P, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2015, không yêu cầu anh Hồ Văn B cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên để ổ định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Dương Thùy T cho rằng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Hồ Văn B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Dương Thùy T cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Hồ Văn B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82,

83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Dương Thùy T, cho ly hôn giữa chị Dương Thùy T và anh Hồ Văn B.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Dương Thùy T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hồ Đỗ Tấn P, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2015.

2.2. Anh Hồ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thùy T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014595 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.THĐ, H.CT, T.TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng